

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-PT
Ngày: 24-01-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh
Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Khánh Nam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng góp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 256/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Thanh T, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L (tên thường gọi P), sinh năm 1972;

2. Ông Lê Minh H, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ cư trú: khu phố 2, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1961;

Địa chỉ cư trú: 571/18 KP3, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 05-7-2021).

*Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L – Bị đơn
(Bà T, bà L và ông H1 có mặt; ông H vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28-9-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02-12-2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lý Thị Thanh T trình bày:

Nguyên vào năm 2016, bà có đứng ra làm chủ thảo các dây hụi, trong đó có bà Nguyễn Thị L (tên thường gọi là P) là hụi viên, cụ thể như sau:

- Dây hụi 1: Hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần bắt đầu vào ngày 16-6-2016, hụi gồm có 31 phần, bà L tham gia 02 phần. Bà L hốt đầu và đóng được 22 lần, còn thiếu 9 lần là 18.000.000 đồng (9 lần x 2 phần x 1.000.000đ).

- Dây hụi 2: Hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần bắt đầu vào ngày 10-01-2017, hụi gồm có 36 phần, bà L tham gia 01 phần. Bà L hốt lần đầu và đóng 15 lần, còn thiếu 21 lần là 21.000.000 đồng (21 lần x 1.000.000đ).

- Dây hụi 3: Hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần bắt đầu vào ngày 15-2-2017, hụi gồm có 26 phần, bà L tham gia 01 phần. Bà L hốt lần đầu và đóng 14 lần, còn thiếu 12 lần là 12.000.000 đồng (12 lần x 1.000.000đ).

- Dây hụi 4: Hụi 100.000 đồng, mỗi ngày khui 1 lần bắt đầu vào ngày 20-10-2017, hụi gồm có 130 phần, bà L tham gia 10 phần. Bà L hốt và đóng 73 ngày, còn thiếu 57 lần là 57.000.000 đồng (57 lần x 10 phần x 100.000đ).

- Dây hụi 5: Hụi 100.000 đồng, mỗi ngày khui 1 lần bắt đầu vào ngày 10-11-2017, hụi gồm có 140 phần, bà L tham gia 10 phần. Bà L hốt hết và đóng 53 ngày, còn thiếu 87 lần là 87.000.000 đồng (87 lần x 10 phần x 100.000đ).

- Dây hụi 6: Hụi 100.000 đồng, mỗi ngày khui 1 lần bắt đầu vào ngày 07-12-2017, hụi gồm có 120 phần, bà L tham gia 10 phần. Bà L hốt hết đóng được 32 ngày, còn thiếu 88 lần là 88.000.000 đồng (88 lần x 10 phần x 100.000đ). Ngoài ra còn nợ hụi trước đây là 58.100.000 đồng, tổng cộng 341.100.000 đồng.

- Dây hụi 7: Hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần bắt đầu vào ngày 30-7-2018 (AL), hụi gồm có 27 phần, bà L tham gia 01 phần. Hụi khui được một thời gian thì bà L hốt và đóng được 22 phần đến ngày 30-8-2020 (AL) hụi mãn, nhưng sau đó bà L không đóng lại hụi 05 lần là 5.000.000 đồng (05 lần x 1.000.000đ).

- Dây hụi 8: Hụi 10.000.000 đồng, 3 tháng khui 1 lần bắt đầu vào ngày 15-01-2017 (AL), hụi gồm có 36 phần, bà L tham gia 01 phần, đến ngày 15-11-2020 (AL) thì hụi mãn. Bà L hốt và đóng hụi còn thiếu 03 kỳ là 30.000.000đ (03 kỳ x 10.000.000đ).

- Dây hụi 9: Hụi 100.000 đồng, mỗi ngày khui 1 lần bắt đầu vào ngày 25-3-2017, hụi gồm có 130 phần, bà L tham gia 02 phần. Hụi khui được một thời gian thì bà L hốt và đóng được 60 ngày, nhưng sau đó bà L không đóng lại hụi 70 ngày là 14.000.000 đồng (70 ngày x 200.000đ), tổng cộng: 49.000.000 đồng. Tổng cộng tất cả các dây hụi còn nợ 390.100.000 đồng.

Trước đây bà yêu cầu tính lãi suất nay thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L (P) và ông Lê Minh H liên đới trả số tiền 385.100.000đ, trả một lần và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị L (tên thường gọi P) trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi. Bà thừa nhận có ký vào giấy chốt nợ hụi số tiền 341.100.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà T số tiền 341.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi. Ngoài ra, các khoản nợ khác bà không thừa nhận còn thiếu. Do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 341.100.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 288, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Thị L (P) và ông Lê Minh H.

Buộc bà Nguyễn Thị L (P) và ông Lê Minh H liên đới trả cho bà Lý Thị Thanh T số tiền nợ hụi 385.100.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30-6-2021, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà T 341.100.000 đồng, xin trả dần, không đồng ý trả khoản 44.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi tổng cộng là 385.100.000 đồng. Bà L xin trả dần nhưng bà T không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L. Ông H và bà L là vợ chồng, bà L thừa nhận hốt hụi để phục vụ cho kinh tế, sinh hoạt gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L và ông H liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi 385.100.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa án sơ thẩm về cách tuyên án: Đình chỉ xét xử đối với việc bà T không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bị đơn bà Nguyễn Thị L (P) và ông Lê Minh H đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L và ông H là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Từ năm 2016, bà T có đứng ra làm chủ thảo các dây hụi, trong đó có bà Nguyễn Thị L (tên thường gọi là P) là hụi viên, tham gia các dây hụi (ngày âm lịch), cụ thể như sau: Dây hụi 1, hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15-6-2016; dây hụi 2, hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 10-01-2017; dây hụi 3, hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15-2-2017; dây hụi 4, hụi 100.000 đồng, mở ngày 20-10-2017; dây hụi 5, hụi 100.000 đồng, mở ngày 10-11-2017 và dây hụi 6, hụi 100.000 đồng, mở ngày 01-12-2017.

[4] Tại “*Biên nhận nợ hụi*”, có bà Lý Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị L (P) ký tên, thể hiện: Bà L (P) còn thiếu nợ 06 dây hụi chưa đóng cho bà T là 283.000.000 đồng và nợ hụi trước đây là 58.100.000 đồng, tổng cộng 341.100.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 09-3-2021, bà L cũng thừa nhận đến ngày 18-5-2020 khi chốt hụi bà còn nợ bà T số tiền 341.100.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

[5] Đối với khoản hụi 44.000.000 đồng, bà L (P) không thừa nhận, nhưng tại “*Biên nhận nợ hụi*” nêu trên, có chữ ký của bà L (P) thể hiện nội dung: “ngày 02-6-2020 (âm lịch) hụi ngày nợ 70 ngày = 14.000.000. Hụi 10 triệu còn nợ 3 kỳ hụi mùa 30.000.000đ, tổng cộng 44.000.000 (Bốn mươi bốn triệu đồng)”.

[6] Bà Nguyễn Thị L kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà T 341.100.000 đồng, xin trả dần, không đồng ý trả khoản 44.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thừa nhận chữ ký tại “*Biên nhận nợ hụi*” là do bà ký. Bà L thừa nhận còn thiếu tiền hụi bà T tổng cộng theo “*Biên nhận nợ hụi*” là 385.100.000 đồng, chỉ đồng ý trả dần nhưng không được bà T đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L.

[7] Thời điểm bà L tham gia góp hụi, ông H và bà L là vợ chồng đang chung sống; bà L thừa nhận hụi để phục vụ cho kinh tế, sinh hoạt gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L và ông H liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi 385.100.000 đồng là có căn cứ.

[8] Trước đây, bà T yêu cầu bà L và ông H trả số tiền hụi còn thiếu và tiền lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T chỉ yêu cầu trả số tiền hụi còn thiếu, không yêu cầu tính lãi suất là trường hợp bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện nên không phải đình chỉ xét xử đối với việc bà T không yêu cầu tính lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L là có căn cứ.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà L kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 288, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Thị L (P) và ông Lê Minh H.

Buộc bà Nguyễn Thị L (P) và ông Lê Minh H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lý Thị Thanh T số tiền nợ hui 385.100.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lý Thị Thanh T, nếu chậm thi hành, bà Nguyễn Thị L (P) và ông Lê Minh H còn phải liên đới trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L (P) và ông Lê Minh H phải liên đới chịu 19.255.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Bà Lý Thị Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.054.795 đồng (Mười ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0000142, ngày 18-12-2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000290 ngày 30-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa để thi hành án phí.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

